

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30-01-2018

V/v Ly hôn và tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Sơn Mút

2. Bà Nguyễn Thị Kim Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Huyền Trang – Thư ký Tòa án,
Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh

Ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018 về “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Quế T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp A, xã Q, huyện H, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp 1, xã H, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 12 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn Phạm Thị Quế T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Duy T qua mai mối và sau một thời gian tìm hiểu quen biết nhau tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào năm 2007. Sau khi cưới thì chị về sống chung với gia đình bên chồng tại xã H, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu cuộc sống chung hạnh phúc nhưng sau đó thì vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống. Chị và anh T đã ly thân từ tháng 11/2017 đến nay không ai tạo cơ hội để đoàn tụ. Hiện chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 10/4/2008 và Nguyễn Như L, sinh ngày 13/8/2012. Hiện nay hai cháu vẫn sống chung với anh chị tại xã H. Chị yêu cầu được nuôi cả hai cháu không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu K thì tùy nguyện vọng của cháu. Hiện chị đang làm giáo viên, thu nhập ổn định mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng đủ khả năng để nuôi cả hai cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn Nguyễn Duy T trình bày:

Về quá trình hôn nhân là đúng như chị T trình bày. Anh xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh và chị T là do thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống, cả hai đã ly thân từ tháng 11/2017 đến nay. Giữa anh và chị T không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Anh và chị T có hai con chung là cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 10/4/2008 và cháu Nguyễn Như L, sinh ngày 13/8/2012, hiện hai cháu vẫn sống với anh và chị T tại xã H. Anh yêu cầu được nuôi một trong hai cháu K hoặc L, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Anh

làm công chức thu nhập ổn định mỗi tháng khoảng 8.000.000 đồng, đủ khả năng để nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn Phạm Thị Quế T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, về hôn nhân yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Duy T; về con chung yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Duy K và cháu Nguyễn Như L, tuy nhiên đối với cháu K có nguyện vọng sống với ai thì tùy cháu chị cũng đồng ý, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Nguyễn Duy T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T; về con chung anh đồng ý để cháu K cho chị T trực tiếp nuôi, anh yêu cầu được nuôi cháu L, không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Quế T và anh Nguyễn Duy T qua mai mối và có thời gian quen biết tiền tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 69, quyển số 01 ngày 06/6/2007 tại Ủy ban nhân dân xã H nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống theo lời trình bày của chị T và anh T thì thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống. Chị T và anh T đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2017 đến nay nên cả hai không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Hiện đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T cũng đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T.

[2] Về con chung: Giữa chị T và anh T có hai con chung là cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 10/4/2008 và cháu Nguyễn Như L, sinh ngày

13/8/2012. Hiện nay hai cháu vẫn sống chung với anh chị tại xã H. Về điều kiện kinh tế thì cả chị T và anh T đều có thu nhập ổn định đảm bảo khả năng để nuôi con. Đối với cháu K có nguyện vọng được sống với chị T, anh T cũng đồng ý để chị T được nuôi cháu K nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu K cho chị T được trực tiếp nuôi. Đối với cháu L, anh T yêu cầu được nuôi, anh Tg đã xin chuyển công tác để có điều kiện được chăm sóc con, tình cảm cha con giữa anh T và cháu L cũng khăng khít, chị T cũng xác nhận việc này. Bên cạnh đó, chị T ngoài giờ làm chính còn phải làm thêm vào buổi tối nên điều kiện để chăm sóc cả hai cháu sẽ hạn chế. Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu L, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu L cho anh T được trực tiếp nuôi. Chị T và anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng cho con: Do chị T không yêu cầu anh T và anh T không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng cho con nên chị T chưa phải cấp dưỡng cho cháu L và anh T chưa phải cấp dưỡng cho cháu K.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 19, 53, 56, 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận chị Phạm Thị Quế T và anh Nguyễn Duy T thuận tình ly hôn.

Về con chung:

Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Phạm Thị Quế T.

Giao cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 10/4/2008 cho chị Phạm Thị Quế T được trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Như L, sinh ngày 13/8/2012 cho anh Nguyễn Duy T được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Duy T có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Nguyễn Duy K, chị Phạm Thị Quế T có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Nguyễn Như L mà không ai được cản trở.

Anh Nguyễn Duy T chưa phải cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Duy K và chị Phạm Thị Quế T chưa phải cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Như L.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Quế T và anh Nguyễn Duy T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Chị Phạm Thị Quế T và anh Nguyễn Duy T được quyền khởi kiện một vụ kiện khác về chia tài sản chung và nợ chung khi có yêu cầu.

Về án phí: Buộc chị Phạm Thị Quế T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008946 ngày 02/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, chị T đã nộp xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01
- VKSND TX.Bình Minh: 01
- Chi cục THADS TX.Bình Minh: 01
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long: 01
- Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hòa: 01
- Đương sự: 02

Trần Quốc Huy

- Luru: 04